

QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

NGUYỄN VĂN THỌ*

Xây dựng, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật là một trong những biện pháp nhằm đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý nhà nước. Bài viết phân tích quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành. Qua đó, kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Từ khóa: Quy trình ban hành văn bản; sửa đổi, bổ sung; văn bản quy phạm pháp luật.

Developing and promulgating amending and supplementing legal documents are among the measures to handle legal documents in order to promptly respond to state management. The article analyzes the process of promulgating amendments and supplements to legal documents according to current regulations, then proposes a number of solutions to improve the process of promulgating amendments and supplements to legal documents. Keywords: Process of promulgating documents; amendments; supplements; legal documents.

Keywords: Process of promulgating documents; amendments; supplements; legal documents.

NGÀY NHẬN: 22/01/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/02/2024

NGÀY DUYỆT: 18/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.338.2024.812>

1. Khái quát về văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật

Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật là thay đổi một phần nội dung của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm làm cho nội dung của văn bản quy phạm pháp luật đó phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Sửa đổi, bổ sung chỉ dành cho văn bản bất hợp lý, khi nội dung không còn phù hợp thực tiễn, thiếu hoặc mâu thuẫn, chồng chéo. Do vậy, sửa đổi, bổ sung áp dụng cho cả văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật nhưng rơi vào trường hợp bất hợp lý

không phải bất hợp pháp. Hiệu quả pháp lý là không làm mất hiệu lực pháp lý của cả văn bản, chỉ làm mất hiệu lực pháp lý của nội dung bị sửa đổi và phát sinh hiệu lực pháp lý của nội dung được bổ sung.

Khoản 3 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp

* ThS, Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tại tỉnh Đắk Lắk

luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Như vậy, chủ thể nào ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì chủ thể đó có quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

2. Quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ vào *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015, văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật trải qua các bước sau:

Bước 1: Lập đề nghị xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Quy trình đề nghị văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật ở Chính phủ như sau: các bộ, cơ quan ngang bộ chuẩn bị hồ sơ trình Bộ Tư pháp; Bộ Tư pháp tiến hành thẩm định, sau đó gửi lại hồ sơ cho chủ thể đề nghị (Điều 39 *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015); chủ thể đề nghị gửi hồ sơ đến Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ kiểm tra hồ sơ (không can thiệp chuyên môn) trình Chính phủ; Chính phủ họp, biểu quyết (dừng tại đây nếu là nghị định); Chính phủ gửi hồ sơ đến Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Quốc hội chuyển hồ sơ đến Ủy ban pháp luật và các Ủy ban của Quốc hội có liên quan, như: Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban chuyên môn của Quốc hội để thẩm tra đề nghị (Điều 47 *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015); Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra nghị quyết về chương trình sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh và đưa tên văn bản đề nghị sửa

đổi, bổ sung vào nghị quyết (dừng tại đây nếu là pháp lệnh); Ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi hồ sơ đến Quốc hội, Quốc hội gửi đến các đại biểu Quốc hội để góp ý, tiếp thu, chỉnh sửa; Quốc hội thông qua luật sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp gần nhất.

Ở địa phương, cụ thể là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật như sau:

(1) *Đối với quy trình gửi đề nghị xây dựng nghị quyết:*

Giai đoạn lập đề nghị xây dựng nghị quyết: cơ quan chuyên môn gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đến văn phòng UBND; văn phòng UBND tập hợp hồ sơ (không can thiệp chuyên môn); UBND họp, biểu quyết thông qua; UBND gửi hồ sơ đến Thường trực HĐND xem xét, quyết định.

Giai đoạn xây dựng nghị quyết: UBND phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp soạn thảo; cơ quan chủ trì lấy ý kiến; đăng công báo; cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo nghị quyết; cơ quan chủ trì gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến sở Tư pháp; sở Tư pháp thẩm định hồ sơ và nội dung các vấn đề liên quan đến nghị quyết (Điều 121 *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015). Sau khi thẩm định, sở Tư pháp gửi hồ sơ đến cơ quan chủ trì; cơ quan chủ trì gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Văn phòng UBND; UBND họp, biểu quyết. UBND gửi toàn bộ hồ sơ đến Thường trực HĐND; Thường trực HĐND gửi hồ sơ đến các ban của HĐND thẩm tra; các ban gửi báo cáo thẩm tra cho Thường trực HĐND; HĐND thông qua và gửi đến các đại biểu HĐND; HĐND biểu quyết thông qua.

(2) *Đối với quy trình gửi đề nghị xây dựng quyết định:*

Giai đoạn lập đề nghị xây dựng quyết định: cơ quan chuyên môn gửi hồ sơ đề nghị đến văn phòng UBND; văn phòng tập hợp

hồ sơ (không can thiệp chuyên môn); văn phòng UBND tham mưu quyết định cho chủ tịch UBND xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND, gửi cho các cơ quan đề nghị xây dựng quyết định; văn phòng UBND gửi hồ sơ đến sở Tư pháp xem xét, kiểm tra để báo cáo chủ tịch UBND; sau khi xem xét, kiểm tra, sở Tư pháp chuyển lại hồ sơ cho Văn phòng UBND; văn phòng UBND tham mưu chủ tịch UBND ban hành quyết định gửi các cơ quan đề nghị xây dựng quyết định.

Giai đoạn xây dựng quyết định: cơ quan chủ trì thành lập ban hoặc tổ soạn thảo; dự thảo quyết định, lấy ý kiến; đăng công báo quyết định; cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo quyết định; cơ quan chủ trì gửi hồ sơ đến sở Tư pháp thẩm định; sở Tư pháp gửi báo cáo thẩm định và hồ sơ cho cơ quan chủ trì; cơ quan chủ trì hoàn thiện hồ sơ theo quy định và gửi đến UBND (thông qua văn phòng tập hợp hồ sơ, trình chủ tịch UBND); chủ tịch UBND họp, biểu quyết.

Bước 2: Soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của luật, pháp lệnh khác (luật sửa đổi đơn). Bố cục nội dung được trình bày thành các điều theo thứ tự: điều quy định về nội dung sửa đổi, bổ sung; hoặc thay đổi từ ngữ liên quan đến nhiều điều, khoản trong văn bản hiện hành; điều quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có) và điều quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản. Các khoản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với trật tự các điều, khoản của văn bản được sửa đổi, bổ sung. Về cách đánh số thứ tự của điều, khoản bổ sung thì căn cứ vào nội dung bổ sung để xác định vị trí của điều, khoản bổ sung trong văn bản hiện hành. Đánh số thứ tự của điều, khoản bổ sung bằng cách ghi kèm chữ cái theo bảng chữ cái tiếng Việt vào sau số chỉ điều, khoản đứng liền trước đó. Ví dụ: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

.....

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 và bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:..).

Điều 79 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định số thứ tự của chương, mục, tiểu mục, điều, khoản bổ sung được thể hiện gồm phần số và phần chữ. Phần số được thể hiện theo số thứ tự của chương, mục, điều, khoản trong văn bản được sửa đổi, bổ sung. Phần chữ được sắp xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái tiếng Việt. Số thứ tự của điểm bổ sung được thể hiện gồm phần chữ và phần số. Phần chữ được thể hiện theo thứ tự của điểm trong văn bản được sửa đổi, bổ sung. Phần số được sắp xếp theo thứ tự bắt đầu từ số 1. Việc trình bày văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều không được làm thay đổi trật tự các điều, khoản; không bị sửa đổi, bổ sung của văn bản hiện hành.

Đối với luật, pháp lệnh sửa đồng thời nhiều luật, pháp lệnh khác (luật sửa nhiều luật). Tùy theo nội dung được sửa đổi, bổ sung, tên của văn bản như sau: tên luật, pháp lệnh kèm theo cụm từ “sửa đổi, bổ sung một số điều của” văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc liệt kê cụ thể tên văn bản được sửa đổi, bổ sung. Về bố cục của luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản có thể bố cục thành các điều khác nhau, mỗi điều chứa đựng nội dung được sửa đổi, bổ sung của một văn bản, trừ điều cuối cùng quy định về trách nhiệm/tổ chức thực hiện/thời điểm có hiệu lực của chính văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản đó. Nội dung các điều, khoản của luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản phải xác định rõ tên luật, pháp lệnh, điều, khoản, điểm của các luật, pháp lệnh liên quan được sửa đổi, bổ sung. Ví dụ: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Đấu thầu*.

1. Khoản 30 và khoản 39 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:...

Điều của luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung nhiều luật, pháp lệnh có thể được bố cục thành khoản; khoản có thể được bố cục thành các điểm. Khoản gồm mệnh lệnh chỉ dẫn việc sửa đổi, bổ sung chương, mục, điều, khoản, điểm kèm theo nội dung sửa đổi, bổ sung. Nội dung sửa đổi, bổ sung được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với trật tự các điều, khoản của văn bản được sửa đổi, bổ sung. Kết quả của bước soạn thảo là có được dự thảo tương đối hoàn chỉnh văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Bước 3: Thẩm định, thẩm tra văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Theo quy định của *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 thì chủ thể thẩm định ở trung ương là Bộ Tư pháp, ở địa phương là sở Tư pháp. Nếu là thông tư thì thuộc vụ pháp chế của bộ, cơ quan ngang bộ. Riêng ngành Công an gọi là cục Pháp chế và cải cách hành chính. Ở các tỉnh thuộc sở Tư pháp; cấp huyện có phòng Tư pháp.

Đối với những văn bản luật sửa đổi, bổ sung do Bộ Tư pháp soạn, hay những dự thảo phức tạp, rất phức tạp, quan trọng thì bắt buộc phải thành lập một cơ quan độc lập lâm thời đó là Hội đồng thẩm định. Trong đó, Bộ trưởng Bộ Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng, tùy theo nội dung mà có sự tham gia của Văn phòng Chính phủ, sự tham gia các bộ và của những cơ quan khác, thậm chí Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Đối với cơ quan thẩm tra ở trung ương, đó là Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Ở địa phương, thuộc các ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện. Kết quả của giai đoạn thẩm định, thẩm tra đó là cơ quan

thẩm định, thẩm tra phải soạn một báo cáo thẩm định, thẩm tra để gửi cơ quan chủ trì soạn thảo lưu vào hồ sơ.

Bước 4: Trình văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo chuẩn bị một bộ hồ sơ để gửi lên chủ thể có thẩm quyền xem xét trước khi ban hành. Tùy từng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung mà thành phần hồ sơ khác nhau. Đối với văn bản luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung do Chính phủ trình, hồ sơ gồm có: tờ trình Chính phủ về dự thảo sửa đổi, bổ sung; dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung; bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo sửa đổi, bổ sung (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ; tài liệu khác (nếu có).

Bước 5: Xem xét, thông qua dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật được thông qua bởi: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chính phủ, HĐND, UBND các cấp. Những văn bản của các cơ quan khác chỉ cần thủ trưởng cơ quan quyết định, đó là thông qua bởi cá nhân: thông tư, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quyết định của Tổng kiểm toán Nhà nước; thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Cách thức thông qua là cơ quan soạn thảo trình bày dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, các đại biểu cho ý kiến, đóng góp ý kiến và cuối cùng yêu cầu chỉnh sửa lại một lần nữa văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp

luật (nếu có) trước khi người có thẩm quyền ký, chứng thực để ban hành.

Bước 6: Ký, ban hành, công bố công khai.

Theo *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015; Điều 75 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015 thì Luật do Quốc hội ban hành, nhưng Chủ tịch Quốc hội là người ký. Pháp lệnh, nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nhưng Chủ tịch Quốc hội sẽ thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội ký. HĐND ban hành nghị quyết, nhưng Chủ tịch HĐND thay mặt ký nghị quyết.

Sau khi ký thì triển khai văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thi hành, tức là công bố, công khai. Hiện nay, công bố, công khai bằng lệnh của Chủ tịch nước với những văn bản quy phạm pháp luật, đó là: luật, nghị quyết Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về đăng công báo, cơ quan quản lý là Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND cấp tỉnh. Nghị định phải đăng công báo; đăng trên website của từng cơ quan và qua truyền thông báo chí.

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật

Đối với một văn bản sửa đổi, bổ sung một văn bản; hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều là văn bản sửa đổi, bổ sung một hoặc một số quy định của văn bản hiện hành. Văn bản sửa đổi, bổ sung phải xác định rõ phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm được sửa đổi, bổ sung. Tên của văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều gồm có tên loại văn bản có kèm theo cụm từ “sửa đổi, bổ sung một số điều của...” và tên đầy đủ của văn bản được sửa đổi, bổ sung một số điều. Trường hợp sửa đổi, bổ sung toàn bộ đối với một phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm thì sau tên loại văn bản kèm theo cụm từ “sửa đổi” và số thứ tự

của phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm và tên đầy đủ của văn bản được sửa đổi, bổ sung một số điều.

Tùy theo nội dung, văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều của một văn bản có thể được bố cục thành các điều như sau: (1) Điều quy định về nội dung sửa đổi, bổ sung; (2) Điều khoản thi hành quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản; trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có); (3) Các khoản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ được sắp xếp theo thứ tự tương ứng với trật tự các điều, khoản, điểm của văn bản được sửa đổi, bổ sung một số điều.

Đối với một văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản. Một văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng cơ quan ban hành trong các trường hợp sau đây: (1) Để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (2) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ có liên quan chặt chẽ với nhau để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản mới được ban hành; (3) Để thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được phê duyệt.

Tùy theo nội dung, văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản có thể được bố cục thành các điều như sau: (1) Các điều quy định về nội dung sửa đổi, bổ sung; trong đó mỗi điều chứa đựng nội dung được sửa đổi, bổ sung của một văn bản; (2) Điều quy định về việc sửa đổi những nội dung mang tính kỹ thuật (nếu có); (3) Điều khoản chuyển tiếp (nếu có); (4) Điều khoản thi hành quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản; trách nhiệm tổ chức thực hiện (nếu có).

4. Một số kiến nghị và giải pháp

Một là, về quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp

luật. Hiện nay, chưa có quy trình riêng ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung. Do đó, cần có quy định cụ thể về quy trình ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc quy định trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với thực tiễn.

Hiện nay, việc xây dựng, ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn theo *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2015; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2020 đã quy định việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, nhưng chưa quy định trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, cần quy định hợp lý hơn việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn đối với văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

Hai là, về căn cứ đề xuất xây dựng, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, hiện vẫn chưa có một tiêu chuẩn hay bộ tiêu chí nào để đánh giá tình trạng này. Trên thực tế, việc xác định nội dung này rất chung chung, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, dẫn đến khó phân định văn bản nào cần sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, cần được nghiên cứu sửa đổi hoàn thiện nội dung này.

Ba là, hiện nay, có nhiều luật hoặc một số văn bản quy phạm pháp luật khi mới ban hành trong thời gian rất ngắn đã phải tiến hành sửa đổi, bổ sung. Do vậy, cần xem xét lại quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, từ khâu đề nghị đến thành lập ban soạn thảo. Các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, ban soạn thảo cần có sự

tham gia của nhiều bộ, ngành, các chuyên gia, nhà khoa học; đối với văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, tổ soạn thảo có sự tham gia của các sở, ban, ngành, chuyên gia, nhà khoa học tại địa phương. Có như vậy mới hạn chế lợi ích nhóm, văn bản quy phạm pháp luật được ổn định lâu dài, hạn chế việc sửa đổi, bổ sung.

Bốn là, cần nâng cao trách nhiệm của chủ thể có thẩm quyền đề nghị sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, nghị quyết của HĐND các cấp trong việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị; trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc xây dựng báo cáo về văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan □

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*. Trường Đại học Luật Hà Nội. H. NXB Tư pháp, 2017.
2. *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*.
3. *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015*.
4. *Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước*.
5. *Chuyên đề 3, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân*. <http://sotuphap.kontum.gov.vn>, ngày 22/5/2023.
6. *Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật*. <https://thuvienphapluat.vn>, ngày 22/5/2023.
7. *Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn*. <http://lapphap.vn>, ngày 23/8/2019.